TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương,

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 770/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công T sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT: Thôn 4 M, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; hiện đang học tập tại Trường Lao động xã hội Thanh Xuân; địa chỉ: Số 50 Nguyễn Văn Hới, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng kí kết hôn số 16 ngày 04 tháng 4 năm 1998. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp,

anh T ham chơi không quan tâm đến chị V. Do tình cảm không còn, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T có hai con là Nguyễn Thị T sinh năm 1998 và Nguyễn Công L sinh ngày 17/6/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu giải quyết.

Lời khai trong quá trình xét xử bị đơn Nguyễn Công T trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị V về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Anh T có quan điểm đồng ý ly hôn chị V, không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và tài sản chung.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51 và 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T; chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị V và anh T được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V và anh T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T là hợp pháp; việc các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là tự nguyện, đã thỏa mãn căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T.

[3] Về con chung: Các con Nguyễn Thị T và Nguyễn Công L đều đã trưởng thành, không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003046 ngày 01 tháng 10 năm 2019. Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Liên Khê, h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng